TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 4 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Hân Em.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Phước.

2. Ông Trần Quang Thái.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: không tham gia.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 503/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/11/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Ngô Trung T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: tổ 17, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: bà Võ Thị Bé H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: tổ 17, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 17/11/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Ngô Trung T trình bày: ông T và bà Võ Thị Bé H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay vẫn không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, ông T và bà Bé H chung sống hạnh phúc và có 03 con chung tên Ngô Hoàng Gia H1, sinh ngày 07/10/2007; Ngô Thị Ngọc B, sinh ngày

04/5/2009 và Ngô Thị Bích T1, sinh ngày 29/7/2012. Tuy nhiên đến năm 2018, ông T và bà Bé H phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc. Mặc dù ông T đã cố gắng duy trì quan hệ hôn nhân nhưng ông T và bà Bé H vẫn sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: ông T yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Bé H.

- Về con chung: ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Hân, cháu Bích và cháu Trâm. Ông T không yêu cầu bà Bé H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại tờ tự khai ngày 05 tháng 12 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Võ Thị Bé H trình bày: bà Bé H với ông Ngô Trung T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, bà Bé H và ông T chung sống hạnh phúc và có 03 con chung Ngô Hoàng Gia H1, sinh ngày 07/10/2007; Ngô Thị Ngọc B, sinh ngày 04/5/2009 và Ngô Thị Bích T1, sinh ngày 29/7/2012. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không còn phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Ông T yêu cầu ly hôn thì bà Bé H có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: bà Bé H đồng ý ly hôn với ông T.

- Về con chung: bà Bé H đồng ý giao 03 con chung tên Ngô Hoàng Gia H1; Ngô Thị Ngọc B và Ngô Thị Bích T1 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Bé H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án ly hôn - tranh chấp về nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: ông Ngô Trung T và bà Võ Thị Bé H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, do mâu thuẫn trầm trọng nên ông T yêu cầu ly hôn với bà Bé H.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Bé H mâu thuẫn trầm trọng nên ông T và bà Bé H sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa, bà Bé H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T. Tuy nhiên, từ khi chung sống cho đến nay ông T và Bé H vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân này không có giá trị pháp lý.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này"*.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông T yêu cầu ly hôn với bà Bé H nhưng giữa hai người không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, mà tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ngô Trung T và bà Võ Thị Bé H.

[2.2] Về quan hệ con chung: ông T và bà Bé H có 03 con chung tên: Ngô Hoàng Gia H1, sinh ngày 07/10/2007; Ngô Thị Ngọc B, sinh ngày 04/5/2009 và Ngô Thị Bích T1, sinh ngày 29/7/2012. Ông T yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu bà Bé H cấp dưỡng.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên. Các cháu Hân, Bích và Trâm đang sống với anh Toàn và được học hành ổn định. Tại các Tờ tự khai lập cùng ngày 30/11/2022 thì các cháu Hân, Bích và Trâm đều muốn được sống chung với ông T. Do vậy, để không xáo trộn cuộc sống và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của các cháu; căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T; giao cháu Hân, cháu Bích và cháu Trâm cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà Bé H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Ông Ngô Trung T yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Trung T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Ngô Trung T và bà Võ Thị Bé H.

1.2. Về quan hệ con chung: ông Ngô Trung T và bà Võ Thị Bé H có 03 con chung tên: Ngô Hoàng Gia H1, sinh ngày 07/10/2007; Ngô Thị Ngọc B, sinh ngày 04/5/2009 và Ngô Thị Bích T1, sinh ngày 29/7/2012.

Giao các cháu Ngô Hoàng Gia H1, Ngô Thị Ngọc B và Ngô Thị Bích T1 cho ông Ngô Trung T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (các cháu Hân, Bích và Trâm đang sống chung với ông T). Bà Võ Thị Bé H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Ngô Trung T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Võ Thị Bé H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

1.3. Về tài sản chung: không có.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận ông T và bà Bé H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông T và bà Bé H trong thời kỳ hôn nhân thì ông Ngô Trung T và bà Võ Thị Bé H phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Ngô Trung T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0011343 ngày 18/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang (ông T đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Hân Em